

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 - 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Nguyễn Tiến Sửu.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp P, xã Đ, thành phố Cần Thơ), “vắng mặt”.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ), “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2025 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc T kết hôn với nhau ngày 17/3/2008, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Cần Thơ). Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T được khoảng 02 năm thì ra ở riêng và đi làm ăn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận; đến năm 2010 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống đặc biệt là về kinh tế dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau, hay cãi chửi đánh nhau. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 02/4/2009 (hiện cháu T1 đang ở cùng chị). Ly hôn chị xin nuôi cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 02/4/2009 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc. Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh T2 là bị đơn không chấp hành đầy đủ, vắng mặt tại phiên tòa.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T. Về con chung: Giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 02/4/2009; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và phân chia nuôi con chung giữa chị và anh Nguyễn Quốc T. Bị đơn anh T hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp và người chưa

thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ) và quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về tố tụng: Đối với anh T quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Quốc T đăng ký kết hôn ngày 17/3/2008, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Cần Thơ). Trước khi kết hôn, chị L, anh T được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị L và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị L trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống đặc biệt là về kinh tế dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau, hay cãi chửi, đánh nhau, chị và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của mẹ anh T là bà Nguyễn Thị M, bà M cho biết các văn bản tố tụng của Tòa án gửi về cho anh T thì bà đều đã nhận được và thông báo ngay cho anh T biết nhưng do anh T bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được. Thấy rằng, anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L xin ly hôn anh T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự và giấy khai sinh thì vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung là Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 02/4/2009 (hiện cháu T1 đang ở cùng chị L). Ly hôn chị L xin được nuôi cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 02/4/2009 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc. Xét thấy chị L hiện có chỗ ở, công việc ổn định do đó cần giao cháu T1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[5] Về chia tài sản: Do đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 02/4/2009 (hiện cháu T1 đang ở cùng chị L) cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0007736 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Phú Thọ). Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang